TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-PT
Ngày 08 - 01- 2021
V/v chia tài sản sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Bùi Anh Tuấn

Ông Lê Thanh Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêutham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án sơ thẩm số: 52/2020/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng11 năm2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **A**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **D**, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (văn bản ủy quyền ngày 26/8/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **D5**, Luật sư Công ty luật hợp danh D5, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh **B**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **C**, sinh năm 1952

3.2. Bà **D**, sinh năm 1953

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Bà **E**, sinh năm 1957

3.4. Ông **F**, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông F: Bà **E**, (theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2020).

3.5. Bà **G**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp 4, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3.6. Chị **H**, sinh năm 1987

3.7. Anh **I**, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh I: Chị **H**, (theo văn bản ủy quyền ngày 08/7/2019).

3.8. Anh **L**, sinh năm 1981

3.9 Chị **A1**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3.10. Chị **B1**, sinh năm 1992

3.11. Anh **C1**, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3.12. Bà **D1**, sinh năm 1975

3.13. Ông **E1**, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ:Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3.14. Chị **G1**, sinh năm 1980.

3.15. Anh **H1**, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3.16. Bà **L1**, sinh năm 1970

3.17. Ông **K1**, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K1: Bà **L1**, (theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2019).

3.18. Chị **A2**, sinh năm 1984

3.19. Anh **B2**, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Ấp 2B, xã Phong Thạnh Tây A, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh B2: Chị **A2**, (theo văn bản ủy quyền ngày 29/8/2019)

3.20. Bà **C2**, sinh năm 1960

3.21. Ông **D2**, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3.22. Ông **E2**, sinh năm 1963

3.23. Bà **G2**, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Ấp PB, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3.24. **Ngân hàng H2**

Địa chỉ trụ sở: Số 18, T, xã U, huyện V, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **I2**, Phó Giám đốc Ngân hàng H2, Chi nhánh huyện O; địa chỉ: Ấp X, thị trấn O, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (theo văn bản ủy quyền ngày 22/10/2019).

3.25. **Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu**

Địa chỉ trụ sở: ẤpX, thị trấn O, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **E5,** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện O.

3.26. Anh **K2**

3.27. Ông **L2**

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3.28. Anh **A3**

Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3.29. Chị **B3**(tên gọi khác B6)

3.30. Anh **C3**

3.31. Chị **D3**

3.32. Anh **E3**

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3.33. Anh**G3**

3.34. Chị**H3**

3.35. Anh **I3**

3.36. Chị **K3**

3.37. Anh **L3**

3.38. Anh **A4**

3.39. Chị **B4**

Cùng địa chỉ: Ấp PC, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3.40. Anh **C4**

Địa chỉ: Ấp Mỹ 2, xã Vĩnh Phú Đông, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơnanh Bvà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà E: Ông **D4**, Luật sư Văn phòng Luật sư **D4**, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu.

4. *Người kháng cáo:*

4.1. Chị A, là nguyên đơn.

4.2 Anh B, là bị đơn.

4.3. Bà E, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

5. Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

(Các đương sự anh B, bà D, bà E, ông C, chị B1, bà L1, bà C2, Luật sư D5, Luật sư D4 có mặt; các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào năm 2000 anh B và chị A tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh B và chị A có hai con chung, cháu A6 sinh ngày 22/10/2001 và cháu A7 sinh ngày 02/6/2005.

Tại Bản án sơ thẩm số: 56/2018/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định, giải quyết về hôn nhân, nuôi con.

Chị A yêu cầu về chia tài sản, chia nợ sau khi ly hôn, cụ thể như sau:

- Phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 21.362,9m^2 giá trị 427.258.000 đồng. Chị A yêu cầu chia đôi đất theo chiều dọc của thửa đất. Anh B không đồng ý chia đôi, yêu cầu chia cho anh B 10 công, chị A được nhận 04 công và yêu cầu được nhận đất và hoàn cho chị A giá trị đất.

- Căn nhà (chòi) trên phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 21.362,9m^2, chiều ngang 05m, chiều dài 06m giá trị 5.200.000 đồng, thống nhất anh B nhận hoàn ½ giá trị cho chị A.

- Anh B, chị A thống nhất có 07 chỉ vàng 24k, đã bán bằng số tiền là 24.500.000 đồng, anh B trả nợ hết 11.100.000 đồng, còn lại 13.400.000 đồng anh B đang quản lý, thống nhất chia đôi.

- Đối với tài sản trong nhà tổng giá trị 36.800.000 đồng anh B quản lý gồm: 01 bộ salon gỗ giá trị 17.000.000 đồng, 02 tủ gỗ thao lao (một tủ quần áo và một tủ ly) giá trị 7.000.000 đồng, 01 cái giường gỗ thao lao giá trị 2.600.000 đồng, 01 bộ ghế salon nệm giá trị 2.000.000 đồng, 01 bộ bàn kiếng inox và 03 ghế giá trị 1.000.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu LG giá trị 2.000.000 đồng, 01 tủ nhôm giá trị 1.500.000 đồng, 01 giường ly văng gỗ giá trị 1.000.000 đồng,02 cái tủ quần áo bằng nhôm giá trị 850.000 đồng/cái, 02 bàn trang điểm bằng nhôm giá trị 500.000 đồng/cái.Chị A yêu cầu chia đôi hiện vật, anh B đồng chia giao

cho chị A 01 cái tủ quần áo bằng nhôm giá trị 850.000 đồng và 01 bàn trang điểm bằng nhôm giá trị 500.000 đồng/cái, anh B nhận hiện vật toàn bộ hoàn ½ giá trị tài sản cho chị A.

- Phần đất và căn nhà gắn liền với đất, tại Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 240m^2 giá trị là 358.800.000 đồng. Nhà chính chiều ngang 5,2m chiều dài 6,8m giá trị 222.112.000 đồng. Nhà phụ chiều ngang 04m chiều dài 6,7m giá trị là 57.084.000 đồng. Nhà bếp chiều ngang 3,5m chiều dài 6,7m giá trị là 49.948.000 đồng. Nhà vệ sinh (công trình phụ) giá trị 2.970.000 đồng. Sân xi măng chiều ngang 07m chiều dài 10m giá trị là 9.100.000 đồng. Chuồng nuôi cá sấu chiều ngang 6,2m chiều cao 6,5m giá trị là 10.160.000 đồng, tổng cộng giá trị là 610.174.000 đồng.

Chị A cho rằng là tài sản chung anh B đang quản lý, yêu cầu chia đôi và chị nhận giá trị và giao cho anh B nhận nhà và đất. Anh B xác định chỉ có chuồng nuôi cá sấu giá trị 10.160.000 đồng và nhà vệ sinh giá trị 2.970.000 đồng là tài sản chung của anh và chị A tự xây dựng nên đồng ý hoàn ½ giá trị cho chị A; còn lại nhà chính, nhà phụ, nhà bếp, sân xi măng là của ông F và bà E(cha mẹ cất cho ở thờ chú bác là liệt sĩ) và đất nềndiện tích 240m^2 là đất của cha mẹ anh B.

- Chị A yêu cầu được hưởng ½ giá trị là tiền cho thuê đất đối với phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 21.362,9m^2(16,5 công tầm cấy với giá thuê là 1.500.000 đồng/năm/công) từ tháng 6/2017 đến ngày 30/8/2019 với số tiền 24.750.000 đồng và đến khi giải quyết xong vụ án, do đất anh B canh tác. Anh B xác định trong thời gian ly thân đất không thể bỏ trống, nên anh canh tác nhưng nuôi tôm thất bại, không có thu nhập, mặt khác anh còn phải nuôi con, chị A không cấp dưỡng nên không đồng ý yêu cầu của chị A.

- Phần đất vườn tạp chiều ngang 8m, chiều dài 15m giá trị 40.000.000 đồng, anh B và chị A tự thỏa thuận, nên chị A rút yêu cầu phần này.

- Đối với 70 con cá sấu, anh B và chị A thống nhất đã bán được số tiền 78.000.000 đồng, đã sử dụng 77.000.000 đồng trả nợ Ngân hàng là khoản nợ chung, còn số tiền 1.000.000 đồng anh B đã sử dụng trong gia đình, nên không yêu cầu giải quyết.

- Các tài sản trong căn nhà (chòi) gồm 02 cái giường bằng cây tạp đã cũ, 01 quạt máy cũ, 01 bếp gaz và 01 bình gaz lớn, chị A và anh B thống nhất không yêu cầu giải quyết; 01 bộ li văng giá trị 2.000.000 đồng, 01 máy lạnh LG không còn giá trị sử dụng, chị A rút yêu cầu không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ Ngân hàng H2, chị A, anh B thống nhất có nợ 46.600.000 đồng, anh B đã trả vào ngày 18/01/2018 và cùng ngày anh B vay lại số tiền 70.000.000 đồng, nên nợ chung là 46.600.000 đồng. Doanh B đã trả nợ chung 46.600.000 đồng, nên anh B yêu cầu chị A trả lại anh 23.300.000 đồng và anh B sẽ tự trả nợ Ngân hàng số tiền gốc còn nợ tính đến ngày 15/9/2020 là 24.740.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Theo chị Achị và anh B còn nợ các khoản bao gồm: Nợ bà G1 58.000.000

đồng; nợ ông L chị A120.000.000 đồng; nợ bà D1và ông E132.000.000 đồng; nợ bà B1và ông C115.000.000 đồng; nợ ông E2 và bà G210.000.000 đồng; nợ bà H và ông I50.000.000 đồng; nợ bà G1 và ông H1 96.000.000 đồng; nợ bà C2 và ông D224.000.000 đồng; nợ bà A2 và ông B2168.000.000 đồng; nợ bà L1và ông K1103.000.000 đồng. Chị A yêu cầu chia đôi nợ chung. Anh B không thống nhất, mà xác định tất cả các khoản nợ trên khi chị A vay mượn anh không hay biết, nên anh không đồng ý cùng chị A phải trả các khoản nợ trên.

- Chị A yêu cầu bà E và ông F (cha mẹ anh B) trả tiền chị đã trả nợ hụi thay là 90.000.000 đồng, anh B xác định không hiểu biết về số tiền nợ này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà E và ông F trình bày: Bà E có yêu cầu độc lập yêu cầu anh B và chị A trả lại cho ông bà nhà và phần đất gắn liền với nhà mà ông bà cất cho ởchi phí khoảng 300.000.000 đồng, chị A anh B chỉ có đưa 60.000.000 đồng để trả tiền công thợ cất nhà. Đối với nhà vệ sinh (công trình phụ) giá trị 2.970.000 đồng và chuồng nuôi cá sấu giá trị là 10.160.000 đồng là tài sản của anh B chị A xây dựng. Nay anh B và chị A ly hôn, yêu cầu anh B và chị A trả lại nhà và đất nói trên, nhưng đồng ý cho anh B tiếp tục sử dụng nhà đất; đồng ý trả cho anh B và chị A số tiền 60.000.000 đồng. Chị A có lấp hụi thay số tiền 90.000.000 đồng, nhưng đã trả xong cho chị A, nên không đồng ý trả lại số tiền 90.000.000 đồng theo yêu cầu của chị A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà G trình bày: Năm 2016 chị A nhiều lần vay mượn tiền, nói để sử dụng lấp hụi, đưa anh B khám bệnh, sử dụng trong gia đình. Khi cho vay tiền có mở sổ theo dõi và xác nhận nợ, tổng cộng còn nợ số tiền 158.000.000 đồng. Anh B biết khoản nợ trên, vì có lần anh B điện thoại hỏi và kêu chị A đem 10.000.000 đồng để trả nợ. Bà G yêu cầu anh B, chị A cùng có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu tiền lãi, vì anh B chị A hiện nay cũng khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh L và chị A1 trình bày: Vào ngày 02/12/2016 cho chị A vay số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Khi vay chị A nói vay để lấp hụi, trả nợ, sử dụng trong gia đình và việc chị A vay tiền anh B có hứa trả, chị A đóng lãi số tiền 3.000.000 đồng, yêu cầu chị A có trách nhiệm trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D1 và ông E1 trình bày: Vào ngày 29/4/2017 chị A có vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 7%/ tháng, ngày 09/5/2017 chị A vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất là 7%/ tháng có làm biên nhận. Chị A nói vay trả nợ, lấp hụi, xoay sở trong gia đình, chị A đóng 02 tháng tiền lãi là 2.800.000 đồng. Anh B có biết khoản nợ này, vì có nói cho mẹ anh B (bà E). Ngoài ra, chị A còn nợ tiền hụi là 12.000.000 đồng, do chị A có tham gia chơi hụi 5.000.000 đồng, dây hụi này khoảng mấy năm trước đó, dây hụi có 23 phần, chị A tham gia 01 phần còn thiếu lại số tiền 12.000.000 đồng, hiện nay hụi này đã mãn. Tổng cộng nợ là 32.000.000 đồng, yêu cầu anh B, chị A cùng có trách nhiệm trả nợ và không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị B1 và anh C1 trình bày: Vào ngày 12/02/2017 chị A vay 15.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay là

01 tháng, chị A nói vay lấy tiền lấp hụi và có gặp anh B nói việc chị A vay tiền. Nay yêu cầu chị A, anh B phải có nghĩa vụ trả số nợ trên và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/7/2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông E2 và bà G2 trình bày: Vào ngày 13/01/2017 âm lịch chị A vay 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, vay nói là lấy tiền trị bệnh, chị A có đóng lãi 03 tháng bằng 1.500.000 đồng. Anh B có biết khoản vay này, do đến nhà lấy lãi và nói cho anh Bbiết và anh B hẹn từ từ trả. Nay yêu cầu vợ chồng anh B, chị A có trách nhiệm thanh toán số tiền trên không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H và anh I trình bày: Năm 2016 chị A có nhiều lần nhờ chị hỏi tiền vay của người khác để lấp hụi, xoay sở tiền trong gia đình, để trả các chủ nợ khác, mỗi lần vay là 10.000.000 đồng, 15.000.000 đồng, vay nhiều lần tổng cộng số tiền là 50.000.000 đồng với lãi suất vay là 5%/tháng. Nay yêu cầu chị A và anh B cùng có trách nhiệm trả số nợ trên, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/7/2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà G1 và ông H1 trình bày: Vào năm 2016 chị A vay nhiều lần tổng cộng là 42.000.000 đồng, cụ thể ngày 14/8/2016 vay 25.000.000 đồng, ngày 22/10/2016 vay 10.000.000 đồng, ngày 17/12/2016 vay 5.000.000 đồng, ngày 09/5/2017 vay 2.000.000 đồng, lãi là 10%/tháng, khi vay có ghi sổ sách theo dõi. Chị A vay nói để lấp hụi, mua thức ăn nuôi cá sấu, đóng tiền học cho con, tiền cho chồng đi học. Chị A đóng lãi được 03 tháng số tiền 7.500.000 đồng. Ngoài ra, chị A còn tham gia chơi hụi dây hụi 100.000 đồng, hụi tuần khui ngày 06/3/2017 dây hụi có 80 phần, chị A tham gia 02 phần đã hốt hết, chị A đóng đến hết tháng 6/2017 được 22 kỳ, còn thiếu lại 58 kỳ/02 phần bằng số tiền là 11.600.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 17/3/2017 chị A tham gia chơi hụi dây hụi 100.000 đồng, hụi tuần có 70 phần, chị A tham gia 05 phần đã hốt hết, chị A đóng đến hết tháng 6/2017 được 21 kỳ, còn lại 58 kỳ hụi chết/02 phần bằng số tiền 24.500.000 đồng. Chị A còn tham gia nhiều dây hụi đã mãn, nhưng chưa đóng đủ còn thiếu lại là 18.500.000 đồng, nên tổng số tiền nợ là 96.600.000 đồng. Việc chị A vay và tham gia chơi hụi anh B biết, vì nhiều lần đến nhà lấy tiền; yêu cầu anh B, chị A cùng có trách nhiệm trả nợ trên yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 25/9/2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C2 và ông D2 trình bày: Vào ngày 19/4/2017 chị A vay 20.000.000 đồng, lãi suất là 7,5%/tháng. Đến ngày 27/5/2017 chị A và anh B đến vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 7,5%/tháng. Việc vay tiền có làm giấy tờ, chị A có nói vay để lấp tiền hụi còn thiếu và mua thức ăn nuôi cá sấu. Anh B biết việc vay tiền, vì đến nhà để lấy tiền lãi đóng 02 tháng số tiền là 3.000.000 đồng. Quá trình vay chị A có trả vốn số tiền là 6.000.000 đồng, nay còn lại 24.000.000 đồng. Yêu cầu anh B và chị A cùng có trách nhiệm trả số tiền trên, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/7/2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị A2 và anh B2 trình bày: Vào ngày 21/3/2017 chị A vay 140.000.000 đồng, lãi suất là 5%/tháng, nói để lấp hụi, trả tiền nợ khác đến hạn, khi vay có làm biên nhận và chị A đã đóng lãi

được 7.000.000 đồng. Ngoài ra,chị A còn tham gia chơi hụi 02 phần hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 20/7/2015, dây hụi có 30 phần,chị A hốt ngày 20/9/2015 và hốt vào ngày 20/11/2015, chị A đóng được 23 kỳ, còn lại 07 kỳ của 02 phần bằng số tiền là 28.000.000 đồng, chị A có trả số tiền 1.100.000 đồng, nay còn thiếu lại tiền hụi là 26.900.000 đồng. Tổng cộng hai khoản nợ số tiền 166.900.000 đồng. Nay yêu cầu anh B và chị A phải trả, vì quá trình chị A vay tiền, anh B có biết sự việc trên, khi đến nhà gom tiền hụi thì có gặp anh B; yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật trên số tiền vay 140.000.000 đồng từ ngày 21/5/2017 âm lịch, tiền hụi 26.900.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L1 và ông K1 trình bày: Từ đầu năm 2016 đến tháng 6/2016 thì chị A vay tiền nhiều lần cũng có trả, đến ngày 06/6/2016 thì tính toán lại thì chị A thiếu số tiền 55.000.000 đồng, đến ngày 18/6/2016 chị A tiếp tục vay 10.000.000 đồng, ngày 20/6/2016 vay 10.000.000 đồng, ngày 26/6/2016 vay 25.000.000 đồng, ngày 30/6/2016 vay 3.000.000 đồng, lãi suất là 4%/ tháng, tổng cộng là 103.000.000 đồng. Các lần vay tiền có mở sổ theo dõi và chị A có nhận nợ. Khi vay chị A nói là để chi xài trong gia đình, lấp tiền hụi đến hạn; anh B biết các khoản nợ trên, vì thường đến nhà lấy tiền thì có gặp anh B. Chị A đóng lãi được 05 tháng bằng số tiền 20.600.000 đồng, yêu cầu anh B và chị A có trách nhiệm trả số tiền là 103.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/7/2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng H2, đại diện theo ủy quyền ông I2 trình bày: Ngày 18/01/2018 anh B có ký Hợp đồng tín dụng số 7204LAV201800207 vay số tiền là 70.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, tính đến ngày 15/9/2020 thì nợ của anh B là 24.740.000 đồng. Ngân hàng yêu cầu anh B trả theo hợp đồng đã ký kết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C và bà D trình bày: Ông C bà D yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.218,9m^2 do đất anh B và chị A đứng tên, đồng thời yêu cầu anh B và chị A trả lại phần đất có diện tích nêu trên. Tuy nhiên, sau đó ông C và bà D rút toàn bộ yêu cầu.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu đại diện theo pháp luật ông F5 trình bày:*Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: L2, A3, B3 (B5), C3, D3, E3, G3, H3, I3, K3, L3, A4, B4, C4, không có mặt tại địa phương nên không có lời khai và chị A không có yêu cầu đối với họ.

Tại Bản án sơ thẩm số: 56/2018/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Về hôn nhân: Không công nhận vợ chồng giữa anh B và chị A. Về nuôi con chung: Giao A6, sinh ngày 22/10/2001 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Giao A7, sinh ngày 02/6/2005 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng.Về tài sản chung, nợ chung: Giải quyết chia tài sản, trách nhiệm trả nợ...

Tại Bản án phúc thẩm số: 06/2019/HNGĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Hủy một phần Bản án sơ thẩm nêu trên và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm lại vụ án về chia tài sản chung và nợ chung.

Tại Bản án sơ thẩm số 52/2020/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, 147, 217, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;Điều 467 của Bộ luật Dân sự 2005; các điều 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự 2015;các điều 30, 33, 37, 45, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị A yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn.

2. Tài sản chung của anh B và chị A bao gồm: Phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 21.362,9m^2 có giá trị là 427.258.000 đồng; 01 căn nhà (chòi) trên phần đất nuôi trồng thủy sản, chiều ngang 05m, chiều dài 06m giá trị là 5.200.000 đồng; nhà bếp: Chiều ngang 3,5m, chiều dài 6,7m giá trị là 49.948.000 đồng; nhà vệ sinh giá trị là 2.970.000 đồng; sân xi măng chiều ngang 07m, chiều dài 10m giá trị là 9.100.000 đồng; chuồng nuôi cá sấu chiều ngang 6,2m, chiều cao 6,5m giá trị là 10.160.000 đồng; 01 bộ salon gỗ giá trị 17.000.000 đồng, 02 tủ gỗ thao lao giá trị 7.000.000 đồng, 01 cái giường gỗ thao lao giá trị 2.600.000 đồng, 01 bộ ghế salon nệm giá trị 2.000.000 đồng, 01 bộ bàn kiếng inox và 03 ghế giá trị 1.000.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu LG giá trị 2.000.000 đồng, 01 tủ nhôm giá trị 1.500.000 đồng, 01 giường ly văng gỗ giá trị 1.000.000 đồng, 02 cái tủ quần áo bằng nhôm giá trị 850.000 đồng/cái, 02 bàn trang điểm bằng nhôm giá trị 500.000 đồng/cái và số tiền mặt là 13.400.000 đồng anh B đang quản lý, số tiền ông F và bà E trả lại 60.000.000 đồng. Tổng tài sản trên có giá trị là 614.836.000 đồng.

3.Chia cho anh B các tài sản chung có giá trị là 340.257.000 đồng gồm những tài sản sau:

- Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 10.681.45m^2 tại thửa 497 tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Hộ anh B và chị A đứng tên quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện O cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 31/7/2009, đất tọa lạc tại Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí, số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 84 do ông Nghiệp canh tác có số đo 21,60m

+ Hướng Tây giáp đường đất (Kênh 2000) có số đo 21,60m

+ Hướng Nam giáp thửa 32 do ông G5 canh tác có số đo 493,7m

+ Hướng Bắc giáp phần đất cùng thửa chia cho chị A có số đo 494,74m

Hiện trạng: Phần đất anh B đang thả tôm quảng canh và đang quản lý, đất có giá trị là 213.629.000 đồng.

- 01 căn nhà (chòi) chiều ngang 05m, chiều dài 06m giá trị là 5.600.000 đồng; kết cấu: Mặt trước xây tường, lợp tol, vách lá, cây gỗ địa phương, nền tráng xi măng, nhà gắn liền với phần đất tại thửa 497 do anh B đang quản lý.

- Nhà bếp: Chiều ngang 3,5m, chiều dài 6,7m; kết cấu: Cột kèo bê tông cốt thép, vách xây tường, đòn tay tre, mái lợp tol xi măng, nền lót gạch ximen, cửa sắt; giá trị là 49.948.000 đồng.

- Nhà vệ sinh gắn liền với nhà bếp: Chiều ngang 1,5m, chiều dài 1,6m, cao 2,3m, vách xây tường nền lót gạch nước, giá trị 2.970.000 đồng.

- Sân xi măng chiều ngang 07m, chiều dài 10m giá trị là 9.100.000 đồng.

- Chuồng nuôi cá sấu chiều ngang 6,2m, chiều cao 6,5m; Kết cấu: Cột bê tông, tường xây cao 1m, đóng lưới B40 cao 1m, nền xi măng, giá trị là 10.160.000 đồng.

- 01 bộ salon gỗ giá trị 17.000.000 đồng.

- 02 tủ gỗ thao lao (01 tủ ly và 01 tủ quần áo) chiều ngang 1,6m, chiều cao 2m, mặt kiếng, giá trị 7.000.000 đồng.

- 01 cái giường gỗ thao lao chiều ngang 1,6m, chiều dài 02m, giá trị 2.600.000 đồng.

- 01 bộ ghế salon nệm giá trị 2.000.000 đồng.

- 01 bộ bàn kiếng inox và 03 ghế giá trị 1.000.000 đồng.

- 01 tủ lạnh hiệu LG giá trị 2.000.000 đồng.

- 01 tủ nhôm chiều ngang 1,6m, chiều cao 1,2m, loại tủ ly giá trị 1.500.000 đồng.

- 01 giường ly văng gỗ giá trị 1.000.000 đồng.

- 01 cái tủ quần áo bằng nhôm ngang 1,5m, rộng 0,6m, cao 02m giá trị 850.000 đồng

- 01 bàn trang điểm bằng nhôm ngang 0,8m, rộng 0,4m, cao 1,6m giá trị 500.000 đồng.

- Số tiền 13.400.000 đồng anh B đang quản lý.

4.Chia cho chị A các tài sản chung có giá trị là 214.979.000 đồng, gồm tài sản sau:

- Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 10.681,45m^2 tại thửa 497 tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Hộ anh B và chị A đứng tên quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện O cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 31/7/2009, phần đất tọa lạc tại Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí, số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 84 do ông N canh tác có số đo 21,60m

+ Hướng Tây giáp đường đất (Kênh 2000) có số đo 21,60m

+ Hướng Nam giáp phần đất cùng thửa chia choanh B canh tác có số đo 494,7m

+ Hướng Bắc giáp thửa 31 do ông H5 canh tác có số đo 495,7m

Hiện trạng: Phần đất anh B đang thả tôm và đang quản lý, đất có giá trị là 213.629.000 đồng.

Buộc anh B trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm có nghĩa vụ thu hoạch vật nuôi để giao lại đất cho chị A.

- 01 cái tủ quần áo bằng nhôm ngang 1,5m, rộng 0,6m, cao 02m giá trị 850.000 đồng và 01 bàn trang điểm bằng nhôm ngang 0,8m, rộng 0,4m, cao 1,6m giá trị 500.000 đồng.

Các tài sản này anh B đang quản lý nên buộc anh B có nghĩa vụ giao cho chị A.

5. Buộc anh B có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị chênh lệch tài sản chung được nhận cho chị A bằng số tiền 62.439.000 đồng.

6. Chị A, anh B có nghĩa vụ đến các cơ quan có chức năng điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với diện tích đất mà chị A, anh B được chia tại thửa 497 tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Hộ anh B và chị A đứng tên quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện O cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 31/7/2009.

7. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông F và bà E yêu cầu anh B và chị A trả lại phần đất diện tích 240m^2 tại thửa 167 tờ bản đồ số 25đất tọa lạc tại Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu và căn nhà (gồm nhà chính: Mặt trước, chiều ngang 5,2m, chiều dài 6,8m; mặt sau chiều ngang 08m, chiều dài 8,2m và nhà phụ: Chiều ngang 04m, chiều dài 6,7m gắn liền với đất).

8. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông F, bà E và anh B, giao cho anh B được tiếp tục quản lý, sử dụng các tài sản gồm:

- Phần đất diện tích 240m^2 tại thửa 167 tờ bản đồ số 25 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất tọa lạc tại Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí, số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp Kênh sáng Phụng Hiệp có số đo 16m

+ Hướng Tây giáp Lộ O- N có số đo 16m

+ Hướng Nam giáp đất ông L2 có số đo 15m

+ Hướng Bắc giáp phần đất của ông F có số đo 15m

Hiện trạng: Là phần đất gắn liền với nhà ở, giá trị là 358.800.000 đồng.

- 01 căn nhà cấp 4, nhà chính: Mặt trước, chiều ngang 5,2m, chiều dài 6,8m; mặt sau chiều ngang 08m, chiều dài 8,2m; Kết cấu: Cột kèo bê tông cốt

thép, vách xây tường, đòn tay gỗ dầu, mái lợp tol xi măng, nền lót gạch ximen, la phông thạch cao, giá trị là 222.112.000 đồng.

- 01 căn nhà phụ: Chiều ngang 04m, chiều dài 6.7m; Kết cấu: Cột kèo bê tông cốt thép, vách xây tường, đòn tay gỗ dầu, mái lợp tol xi măng, nền lót gạch ximen. giá trị là 57.084.000 đồng.

9. Buộc ông F và bà E có nghĩa vụ trả cho anh B số tiền 30.000.000 đồng và trả cho chị A số tiền 30.000.000 đồng.

10. Buộc anh B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H2 số tiền 24.740.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 7204LAV201800207 đã ký kết ngày 18/01/2018 và lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

11. Buộc anh B có nghĩa vụ trả cho bà G số tiền 79.531.500 đồng.

12. Buộc chị A có nghĩa vụ trả nợ cho những người sau:

- Bà G số tiền 78.468.500 đồng.

-Anh L và chị A1 số tiền 20.000.000 đồng

- Bà D1 và ông E1 số tiền 29.864.000 đồng.

- Chị B1 và anh C1 số tiền 15.000.000 đồng và tiền lãi 4.812.500 đồng, tổng cộng là 19.812.500 đồng.

- Ông E2 và bà G2 số tiền 10.000.000 đồng.

- Chị H và anh I số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi 16.041.666 đồng, tổng cộng là 66.041.666 đồng.

- Chị G1 và anh H1số tiền 89.947.500đồng (trong đó tiền vay 35.347.500 đồng; tiền hụi 54.600.000 đồng) và tiền lãi 26.759.380 đồng, tổng cộng là 116.706.880 đồng.

- Bà C2 và ông D2 số tiền 21.664.000 đồng và tiền lãi 6.950.532 đồng, tổng cộng là 28.614.532 đồng.

- Chị A2 và anh B2 số tiền 161.066.666 đồng (trong đó tiền vay 134.166.666 đồng; tiền hụi 26.900.000 đồng) và tiền lãi 44.535.888 đồng, tổng cộng là 205.602.544 đồng.

- Bà L1 và ông K1 số tiền 103.000.000 đồng và tiền lãi 33.045.833 đồng, tổng cộng là 136.045.833 đồng.

13. Buộc chị A có nghĩa vụ trả lại cho anh B số tiền 23.300.000 đồng.

14. Đối với 70 con cá sấu trọng lượng khoảng 10kg/con do anh B và chị A thống nhất là đã bán được số tiền 78.000.000 đồng và đã chi hết, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

15. Không chấp nhận yêu cầu của chị A yêu cầu được hưởng ½ giá cho thuê đất đối với phần đất vuông 16,5 công với giá thuê là 1.500.000 đồng/năm/công tầm cấy từ tháng 6/2017 đến ngày 30/8/2019 với số tiền 24.750.000 đồng và đến khi giải quyết xong vụ án do anh B canh tác.

16. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị A đối với các tài sản gồm: Phần đất vườn tạp có chiều ngang 08m, chiều dài 15m diện tích đất 120m^{2}tại thửa 14 tờ bản đồ số 46 giá trị 40.000.000 đồng, 01 bộ li văng giá trị 2.000.000 đồng, 01 máy lạnh LG.

17. Chấp nhận yêu cầu của chị A đối với ông F và bà E. Buộc ông F và bà E có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền 90.000.000 đồng.

18. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông C và bà D yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.218,9m^2 do anh B và chị A đứng tên, đồng thời yêu cầu anh B và chị A trả lại phần đất có diện tích 3.218,9m^2.

19. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.265.000 đồng:Chị A phải chịu 632.500 đồng, anh B phải chịu 632.500 đồng; anh B đã dự nộp số tiền 1.000.000 đồng, chị A đã nộp số tiền 265.000 đồng nên buộc chị A phải hoàn trả lại cho anh B số tiền 367.500 đồng.

20. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh B phải chịu án phí 15.520.900 đồng.Chị A phải chịu án phí 33.528.258 đồng. Chị A đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010358 ngày 06/11/2017 và số tiền 894.500 đồng,theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004363 ngày 12/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O được đối trừ và chị A còn phải nộp tiếp 27.633.758 đồng.

Ông F và bà E phải chịu án phí 7.500.000 đồng. Bà E đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa ánsố 0011645 ngày 16/4/2018tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O được đối trừ, ông F và bà E còn phải nộp tiếp 7.200.000 đồng.

- Các đương sự khác không phải chịu án phí. Ông C và bà D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa ánsố 0014158 ngày 25/6/2019tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O được nhận lại.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án và Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quyđịnhcủa pháp luật.

Ngày 29/9/2020 anhB kháng cáo, không đồng ý trả nợ bà G số tiền 79.531.500 đồng; không đồng ý chia đôi thực tế diện tích đất nuôi trồng thủy sản, vì không thể canh tác, yêu cầu nhận toàn bộ đất hoàn giá trị đất cho chị A; không đồng ý nhà bếp, sân xi măng là tài sản chung mà là tài sản của ông F và bà E xây dựng.

Ngày 29/9/2020 bà E kháng cáo, không đồng ý buộc vợ chồng bà trả nợ chị A 90.000.000 đồng tiền chị A lấp hụi, vì chị A không đưa tiền cho bà và bảy người lấp hụi đã trả tiền cho chị A; không đồng ý nhà bếp, sân xi măng là tài sản chung của anh B và chị A mà là tài sản của ông Fbà E xây dựng.

Ngày 01/10/2020 chị A kháng cáo, không đồng ý trả các khoản nợ, yêu cầu anh B cùng có trách nhiệm trả nợ vì là nợ chung; không đồng ý chấp nhận yêu cầu độc lập của ông F và bà E yêu cầu trả 240m^2 đất giá trị 358.800.000 đồng, yêu cầu chia đôi phần đất 240m^2 ; không đồng ý nhận các tài sản trong nhà bằng giá trị, yêu cầu nhận bằng hiện vật; không đồng ý việc Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu được hưởng ½ giá cho thuê đất đối với phần đất vuông 16,5 công với giá thuê là 1.500.000 đồng/năm/công tầm cấy từ tháng 6/2017 đến ngày 30/8/2019 với số tiền 24.750.000 đồng và đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngày 16/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị về án phí, cấp sơ thẩm buộc chị A nộp án phí trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ mà không xác định cụ thể nợ chung, nợ riêng để đối trừ; anh B trả nợ ngân hàng là nợ riêng được đối trừ nghĩa vụ trả nợ để tính án phí là chưa chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị, chị A, anh B, bà E giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư D5 bảo vệ quyền lợi cho chị A trình bày cho rằng: Anh B và chị A đã chung sống hơn 20 năm, con lớn đã có gia đình riêng, nhưng khi chia tài sản khi ly hôn nhà đất lại cho rằng của cha mẹ chồng và nợ thì hầu như là toàn bộ xác định là nợ riêng buộc một mình chị A phải thanh toán là không phù hợp. Đất hiện nay ông F cũng chỉ đứng tên tại Sổ Mục kê, là sổ tự kê khai và trước đây thu hồi một phần đất, anh B được nhận tiền bồi thường nên phải là tài sản của vợ chồng; bà E có cung cấp chứng cứ nhân chứng xác định xây dựng nhà cho bà E, nhưng đây cũng chỉ là chứng cứ phục hồi lại, vì khi xây dựng không làm hợp đồng. Trước đây bà E cũng từng thừa nhận không có việc ly hôn thì không đòi lại nhà đất, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xác định, nhà là tài sản gắn liền trên đất là tổng thể và là tài sản chung của anh B và chị A, chia đôi cho chị Anhận ½ giá trị. Đối với phần đất nuôi trồng thủy sản, mặc dù anh B đang trực tiếp sử dụng,hiện nay chị A chỉ đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh và chị A có nguyện vọng nhận đất để canh tác và cất nhà ở tại đây, chia giao đất cho chị A mới đảm bảo nguyên tắc chia tài sản bằng hiện vật, vì nhà anh B đang sử dụng. Đối với các tài sản là vật dụng trong nhà, chị A chỉ được chia hiện vật là 01 tủ áo bằng nhômgiá trị 850.000 đồng và 01 bàn trang điểm bằng nhôm trị giá 500.000 đồng, nay yêu cầu nhận thêm hiện vật: 01 tủ gỗ (tủ quần áo) thao lao giá trị 3.500.000 đồng, 01 cái giường gỗ thao lao giá trị 2.600.000 đồng, 01 bộ bàn kiếng inox và 03 ghế giá trị 1.000.000 đồng, 01 tủ nhôm loại tủ ly giá trị 1.500.000 đồng, 01 giường ly văng gỗ giá trị 1.000.000 đồng để sử dụng cũng phù hợp, vì nhận hiện vật vẫn còn ít hơn anh B. Đối với yêu cầu được hưởng số tiền 24.750.000 đồng, do anh B sản xuất canh tác đất thừa nhận có thu nhập này, trước đây cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của chị A là có cơ sở, mong Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét là sự thừa nhận của anh B năm 2018. Bà E thừa nhận chị A có lấp hụi thay cho bà E số tiền 90.000.000 đồng, chị A yêu cầu bà E phải trả lại cho chị A tiền lấp hụi thay 90.000.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà E. Đối với các khoản nợ người khác, đây là những khoản nợ nguồn gốc từ nợ hụi, phát sinh trong thời kỳ chị A và anh B chung sống, chị A làm hụi, nuôi hai con ăn học, nuôi cá sấu, vay mượn tiền

lấp hụi, trả lãi, nhiều chủ nợ xác định anh B biết việc vay tiền, anh B có điều đình nợ, Tòa cấp sơ thẩm xác định nợ riêng là không đảm bảo và buộc chị A trả gần hết nợ là thiệt thòi quyền lợi cho chị A, đề nghị chia đôi nợ. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị A, không chấp nhận kháng cáo của anh B và bà E.

Luật sư D4 bảo vệ quyền lợi cho anh B và bà E trình bày xác định: Anh B và bà E kháng cáo nhà bếp giá trị 49.948.000 đồng, sân xi măng giá trị 9.100.000 đồng các tài sản này là của ông F và bà E, có cung cấp nhân chứng Lê Minh D, Lê Út M xác định xây dựng toàn bộ nhà do bà E ông F thuê, nên kháng cáo của bà E và anh B là có căn cứ. Đất diện tích 240m^2, ông F đứng tên tại Sổ Mục kê, chị A cho rằng đã được tặng cho, nhưng ông F bà E không thừa nhận và cũng không có tài liệu chứng cứ xác định đất thuộc quyền sử dụng của anh B và chị A. Đối với phần đất nuôi trồng thủy sản, anh B đang trực tiếp sử dụng,hiện nay chị A đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh nên giao cho anh B nhận đất để canh tác và nuôi con là phù hợp. Đối với các tài sản là vật dụng trong nhà, chị A yêu cầu nhận thêm hiện vật, nhưng xét thấy anh B hiện đang sử dụng và có nhu cầu sử dụng, nên cấp sơ thẩm giao cho anh B và anh B hoàn giá trị cho chị A là phù hợp. Đối với yêu cầu được hưởng số tiền 24.750.000 đồng do anh B sản xuất canh tác đất, anh B không thừa nhận có thu nhập nên không có cơ sở chấp nhận.

Bà E không đồng ý trả chị Atiền lấp hụi thay cho bà E số tiền 90.000.000 đồng là phù hợp, do qua xác minh đa số nhân chứng nói đã trả tiền cho chị A xong. Đối với các khoản nợ người khác , đây là những khoản nợ chị Atrực tiếp giao dịch anh B không biết việc có nợ, Tòa cấp sơ thẩm xác định nợ chung đối với nợ bà G anh B cùng thanh toán, đề nghị chấp nhận kháng cáo của anh B và nợ chị A phải thanh toán tất cả. Đối với căn nhà chính và nhà phụ có giá trị 222.112.000 đồng + 57.084.000 đồng bằng 279.196.000 đồng, chị A không kháng cáo, chỉ kháng cáo chia đôi đất giá trị 358.800.000 đồng nên đề nghị không xem xét. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh B và bà E, không chấp nhận kháng cáo của chị A.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị: Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo của chị A, người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng có kháng cáo chia đôi căn nhà chính và nhà phụ trên đất, nhưng đơn kháng cáo không nêu, Thông báo kháng cáo cũng không có nội dung này và chị A cũng không có ý kiến, nên giới hạn xét xử phúc thẩm là không có thẩm quyền xem xét giải quyết. Về nội dung kháng cáo, diện tích 240m^2 đấtchị A kháng cáo chia đôi, nhưng là đất do ông F đứng tên tại Sổ Mục kê, hợp đồng tặng cho chưa được công nhận theo quy định của pháp luật, chưa ai có quyền sử dụng đất, anh B có nhận tiền bồi thường đất khi thu hồi một phần với người đang sử dụng cũng là phù hợp, do anh B đang sử dụng đất. Đối với yêu cầu chia thêm hiện vật là các tài sản là vật dụng trong nhà, chị A xin nhận thêm hiện vật,

nhưng thực tế anh B hiện đang sử dụng quản lý nhà và có nhu cầu sử dụng, chị A không còn sinh sống ở địa phương nên đề nghị giữ nguyên và anh B hoàn giá trị cho chị A là phù hợp. Đối với yêu cầu được hưởng số tiền 24.750.000 đồng, anh B không thừa nhận có thu nhập nên không có cơ sở chấp nhận. Đối với các khoản nợ người khác, do chị A trực tiếp giao dịch anh B không thừa nhận, Tòa cấp sơ thẩm xác định nợ chung đối với nợ bà G buộc anh B cùng thanh toán là không phù hợp, đề nghị chấp nhận kháng cáo của anh B và nợ chị A phải thanh toán toàn bộ. Đối với phần đất nuôi trồng thủy sản, anh B đang trực tiếp sử dụng, chị Acũng có nhu cầu nhận đất để canh tác và cấp sơ thẩm chia đôi thực tế đất là phù hợp. Nhà bếp giá trị 49.948.000 đồng, sân xi măng giá trị 9.100.000 đồng các tài sản này trước đây bà E có thừa nhận do anh B, chị A làm thêm, nên là tài sản của anh B và chị A. Đối với tiền bà E phải trả chị A 90.000.000 đồng tiền lấp hụi là phù hợp, do bà E thừa nhận chị A lấp hụi và chị A xác định là tài sản chung chị hưởng 45.000.000 đồng anh B 45.000.000 đồng nên ghi nhận.Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận một phần kháng cáo của anh B, không chấp nhận kháng cáo của chị A và bà E, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 52/2020/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm*:* G, H, I,L, A1, C1, D1, E1,G1, H1, A2, B2, D2, E2, G2, Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu, K2, L2, A3, B3 (B5), C3, D3, E3, G3, H3, I3, K3, L3, A4, B4, C4, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa;Ngân hàng H2 có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của anh B về phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 21.362,9m^2 giá trị 427.258.000 đồng, trên đất có căn nhà (chòi) giá trị 5.200.000 đồng. Hiện tại anh B đang trực tiếp sử dụng và đang nuôi tôm, anh B chị A đều có nguyện vọng nhận đất để canh tác, anh B kháng cáo được nhận đất hoàn ½ giá trị cho chị A, do cấp sơ thẩm chia đôi theo chiều dọc đất thì không thể canh tác. Chị A xác định chia dọc đất chị vẫn canh tác được; tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của chị A xác định chia dọc khó canh tác và xin nhậnđất hoàn ½ giá trị cho anh B.

Cấp phúc thẩm xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản ngày 26 tháng 11 năm 2020, cán bộđịa chính xã N xác định: Việc chia đôi diện tích đất theo chiều dọc sẽ dẫn đến anh B và chị A khó khăn trong canh tác sử dụng, do đất có chiều ngang hẹp, hiện cũng không có bờ ở giữa. Anh B cho rằng chia dọc không thể canh tác, không thể đưa xáng cuốc cải tạo đất, chia ngang thì đất ở trong không

có đường thoát nước. Do vậy, xác định cấp sơ thẩm chia đôi thực tế đất theo chiều dọc là không đảm bảo thi hành án và không đảm bảo việc canh tác sử dụng hiệu quả diện tích đất. Hiện nay anh B đang trực tiếp canh tác sử dụng đất, chị A hiện đang làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh, nên xem xét chấp nhận kháng cáo của anh B, giao cho anh B được nhận toàn bộ diện tích đất 21.362,9m^2 và tài sản trên đất anh B có nghĩa vụ hoàn lại ½ giá trị cho chị A với số tiền là 216.229.000đồng (½ giá trị đất 213.629.000 đồng + ½ giá trị nhà (chòi) 2.600.000 đồng), chấp nhận nhưđề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh B.

[3]. Đối với phần đất diện tích 240m^2 giá trị 358.800.000 đồng, chị A kháng cáo là tài sản chung, được bà E ông F cho yêu cầu chia đôi. Ông F, bà E và anh B không thừa nhận có cho đất. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị A cho rằng đất này anh B đứng tên, nên có nhận tiền bồi thường đất khi thu hồi một phần. Tuy nhiên, ông F và bà E xác định là trước đây chỉ cho anh B nhận tiền bồi thường, không cho đất. Xét thấy phần đất tranh chấp do ông F đứng tên trong Sổ Mục kê và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo quy định tại Điều 467 của Bộ luật Dân sự năm 2005: *"Tặng cho quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu quy định của pháp luật bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu"*, chị A và anh B cũng không đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên chị A kháng cáođất được bà Eông F cho yêu cầu chia đôi không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Đối với nhà bếp chiều ngang 3,5m, chiều dài 6,7m giá trị 49.948.000 đồng và sân xi măng chiều ngang 07m, chiều dài 10m giá trị 9.100.000 đồng, bà E, anh B kháng cáo xác định là của ông F và bà E nên không đồng ý chia theo yêu cầu của chị A. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2018 (bút lục 302) và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 11/4/2019 bà E có xác định năm 2013 chỉ xây nhà chính và nhà phụ, sau này vợ chồng anh B và chị A có xây ra thêm nhưng cũng không rõ ràng là chị A anh B bỏ tiền xây dựngnhà bếp và sân xi măng, bà E cũng không thừa nhận đã khai do anh B và chị A xây dựng. Mặt khác, chị A cho rằng đưa tiền cho bà E xây cất toàn bộ, nhưng bà E không thừa nhận, nhân chứng Lê Minh D, Lê Út M khai xác định xây dựng toàn bộ do bà Eông F thuê làm. Do vậy có căn cứ nhà bếp chiều ngang 3,5m, chiều dài 6,7m giá trị 49.948.000 đồng, sân xi măng chiều ngang 07m, chiều dài 10m giá trị 9.100.000 đồng là tài sản của ông Fbà E, chấp nhận kháng cáo của bà E và anh B phần này, như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh B và bà E. Tài sản trên anh B đang quản lý sử dụng, bà E ông F để cho anh B tiếp tục sử dụng nên ghi nhận.

[5]. Đối với các tài sản là vật dụng trong nhà gồm: 01 bộ salon gỗ giá trị 17.000.000 đồng, 02 tủ gỗ thao lao (01 tủ quần áo và 01 tủ ly) giá trị 7.000.000 đồng, 01 cái giường gỗ thao lao giá trị 2.600.000 đồng, 01 bộ ghế salon nệm giá trị 2.000.000 đồng, 01 bộ bàn kiếng inox và 03 ghế giá trị 1.000.000 đồng, 01 tủ lạnh hiệu LG giá trị 2.000.000 đồng, 01 tủ nhôm giá trị 1.500.000 đồng, 01 giường ly văng gỗ giá trị 1.000.000 đồng, 02 tủ áo bằng nhômgiá trị 850.000

đồng/cái, 02 bàn trang điểm bằng nhôm trị giá 500.000 đồng/cái, tổng giá trị 36.800.000 đồng.

Chị A và anh B thống nhất là tài sản chung và đồng ý chia đôi. Chị A và anh B đều có yêu cầu được nhận hiện vật. Cấp sơ thẩm chia cho chị A gồm: 01 tủ quần áo bằng nhôm có giá 850.000 đồng, 01 bàn trang điểm bằng nhôm có giá 500.000 đồng. Chị A xin nhận thêm hiện vật bao gồm các tài sản: 01 tủ gỗ (tủ quần áo) thao lao chiều ngang 1,6m, chiều cao 2m, mặt kiếng, giá trị 3.500.000 đồng, 01 cái giường gỗ thao lao chiều ngang 1,6m, chiều dài 02m, giá trị 2.600.000 đồng, 01 bộ bàn kiếng inox và 03 ghế giá trị 1.000.000 đồng, 01 tủ nhôm chiều ngang 1,6m, chiều cao 1,2m, loại tủ ly giá trị 1.500.000 đồng, 01 giường ly văng gỗ giá trị 1.000.000 đồng. Xét thấy, cấp sơ thẩm chia cho chị A 01 cái tủ bằng nhôm ngang 1,5m, rộng 0,6m, cao 02m giá trị 850.000 đồng và 01 bàn trang điểm bằng nhôm ngang 0,8m, rộng 0,4m, cao 1,6m giá trị 500.000 đồng là ít so với anh B, nên Chị A xin nhận thêm hiện vật gồm:01 tủ gỗ (tủ quần áo) thao lao chiều ngang 1,6m, chiều cao 2m, mặt kiếng, giá trị 3.500.000 đồng, 01 cái giường gỗ thao lao chiều ngang 1,6m, chiều dài 02m, giá trị 2.600.000 đồng, 01 bộ bàn kiếng inox 03 ghế giá trị 1.000.000 đồng, 01 tủ nhôm chiều ngang 1,6m, chiều cao 1,2m, loại tủ ly giá trị 1.500.000 đồng, 01 giường ly văng gỗ giá trị 1.000.000 đồng tổng giá trị bằng 10.950.000 đồng là vẫn ít hơn ½ giá trị tổng tài sản 36.800.000 đồng, nên cần chấp nhận kháng cáo của chị A phần này, chấp nhận như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho chị A.

Tài sản cụ thể: Tổng giá trị 36.800.000 đồng, chia cho anh B nhận 01 bộ salon gỗ giá trị 17.000.000 đồng, 01 tủ gỗ thao lao(tủ ly) giá trị 3.500.000 đồng, 01 bộ ghế salon nệm giá trị 2.000.000 đồng, 01 tủ lạnh hiệu LG giá trị 2.000.000 đồng, 01 tủ bằng nhôm giá trị 850.000 đồng và 01 bàn trang điểm bằng nhôm giá trị 500.000 đồng tổng cộng giá trị là 25.850.000 đồng. Chị A nhận 01 tủ gỗ (tủ quần áo) thao lao chiều ngang 1,6m, chiều cao 2m, mặt kiếng, giá trị 3.500.000 đồng, 01 cái giường gỗ thao lao chiều ngang 1,6m, chiều dài 02m, giá trị 2.600.000 đồng, 01 bộ bàn kiếng inox 03 ghế giá trị 1.000.000 đồng, 01 tủ nhôm chiều ngang 1,6m, chiều cao 1,2m, loại tủ ly giá trị 1.500.000 đồng, 01 giường ly văng gỗ giá trị 1.000.000 đồng, 01 cái tủ quần áo bằng nhôm ngang 1,5m, rộng 0,6m, cao 02m giá trị 850.000 đồng và 01 bàn trang điểm bằng nhôm ngang 0,8m, rộng 0,4m, cao 1,6m giá trị 500.000 đồng, tổng cộng giá trị là 10.950.000 đồng.

Như vậy, tổng tài sản 36.800.000 đồng: 2 bằng 18.400.000 đồng, anh B nhận tài sản giá trị 25.850.000 đồng, nên buộc anh B hoàn lại tiền chênh lệch tài sản là 7.450.000 đồng (25.850.000 đồng – 18.400.000 đồng) cho chị A.

[6]. Xét kháng cáo của chị A yêu cầu được hưởng ½ giá trị tiền cho thuê đất đối với phần đất vuông 16,5 công tầm cấy(01 công = 1.296m^2) với giá thuê là 1.500.000 đồng/năm/công từ tháng 6/2017 đến ngày 30/8/2019 với số tiền 24.750.000 đồng và đến khi giải quyết xong vụ án do anh B canh tác đất.

Hội đồng xét xử xét thấy: Diện tích phần đất vuông 16,5 công tầm cấy nêu trên là đất nuôi trồng thủy sản, anh B xác định đất không thể bỏ trống nên anh

canh tác, nhưng nuôi tôm thất bại nên không có thu nhập, chị A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh B canh tác phần đất vuông 16,5 công từ tháng 6/2017 đến ngày 30/8/2019 có được thu nhập sử dụng riêng, hay cho người khác thuê với số tiền nêu trên, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị A là có cơ sở, cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị A phần này, chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát và luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh B.

[7]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà E, không đồng ý chấp nhận phải trả chị A tiền đã lấp hụi thay là 90.000.000 đồng. Xét thấy, tại cấp phúc thẩm bà E cung cấp tờ xác nhận có 07 nhân chứng xác định trả tiền hụi cho chị A, cấp phúc thẩm xác minh ông K3, I3, B3 (B5), Thủy xác định đã trả tiền hụi đủ, có lần đưa cho bà E có lần đưa cho chị A do hai mẹ con cùng đi gom (thu) hụi, chị A lại không thừa nhận có nhận tiền. Mặt khác, tại biên bản công khai chứng cứ ngày 23/10/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/12/2019, bà E thừa nhận chị A có lấp hụi thay cho bà E và bà E đã trả xong cho chị A hết, không còn nợ. Như vậy, việc chị A có lấp hụi cho bà E 90.000.000 đồng được bà E thừa nhận; chị A không thừa nhận bà E đã trả tiền cho chị như bà E trình bày và bà E không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả xong tiền lấp hụi cho chị A, nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị A, buộc phải trả lại 90.000.000 đồng là có căn cứ, không chấp nhận kháng cáo của bà E phần này. Tuy nhiên, số tiền 90.000.000 đồng trên là tài sản chung của anh B và chị A, cấp sơ thẩm chỉ buộc trả cho chị A là thiệt thòi quyền lợi của anh B. Tại cấp phúc thẩm chị A cũng đồng ý chỉ nhận 45.000.000 đồng và 45.000.000 đồng là của anh B, nên ghi nhận sự tự nguyện của chị Asửa án phần này, buộc bà E và ông F trả lại 90.000.000 đồng, trong đó trả anh B 45.000.000 đồng, trả chị A 45.000.000 đồng, chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát.

[8]. Đối với các khoản nợ người khác gồm:Nợ bà G 158.000.000 đồng, nợ anh L và chị A1 20.000.000 đồng, nợ bà D1 và ông E1 29.864.000 đồng, nợ chị B1 và anh C1 15.000.000 đồng và tiền lãi 4.812.500 đồng, tổng cộng là 19.812.500 đồng, nợ ông E2 và bà G2 10.000.000 đồng, nợ chị H và anh I50.000.000 đồng và tiền lãi 16.041.666 đồng, tổng cộng là 66.041.666 đồng, nợ chị G1 và anh H1 89.947.500đồng (trong đó tiền vay 35.347.500 đồng, tiền hụi 54.600.000 đồng) và tiền lãi 26.759.380 đồng, tổng cộng là 116.706.880 đồng, nợ bà C2 và ông D2 21.664.000 đồng và tiền lãi 6.950.532 đồng, tổng cộng là 28.614.532 đồng, nợ chị A2 và anh B2 số tiền 161.066.666đồng (trong đó tiền vay 134.166.666 đồng, tiền hụi 26.900.000 đồng) và tiền lãi 44.535.888 đồng, tổng cộng là 205.602.544 đồng, nợ bà L1 và ông K1 103.000.000 đồng và tiền lãi 33.045.833 đồng, tổng cộng là 136.045.833 đồng, tổng cộng số tiền là 790.687.955đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, tất cả các khoản nợ trên phát sinh trong thời kỳ chị A và anh B chung sống, anh B xác định lương thu nhập hơn 4.000.000 đồng/tháng, chị A không có nghề nghiệp mà làm hụi chung với bà E, anh chị phải nuôi hai con ăn học, nuôi tôm, cá sấu, nên phải vay mượn tiền chi xài phục vụ cuộc sống, sinh hoạt, trả nợ đến hạn, lấp hụi cũng là phù hợp thực tế. Mặt

khác, các chủ nợ còn xác định anh B biết việc vay tiền, do đến nhà đòi, lấy tiền lãi gặp anh B, anh B hứa trả, anh B than thở hoàn cảnh nên cho vay, đòi nợ anh B hứa sắp xếp trả, anh B điện thoại hỏi nợ và nói kêu chị A trả, hôm sau chị A trả 10.000.000 đồng…(bút lục 286, 299, 291, 293, 313, 326…). Do đó chị A cho rằng là nợ chung yêu cầu chia đôi tất cả các khoản nợ với anh B là có cơ sở. Cấp sơ thẩm chỉ chia đôi một khoản nợ bà G số tiền 158.000.000 đồng, còn lại buộc chị A trả nợ toàn bộ là thiệt thòi quyền lợi của chị A, nên cần sửa án phần này, không chấp nhận kháng cáo không chia đôi nợ bà G của anh B, mà chấp nhận kháng cáo của chị A chia đôi tất cả các khoản nợ, cụ thể: Nợ bà G số tiền 158.000.000 đồng, anh B và chị A mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ là 79.000.000 đồng. Nợ anh L và chị A1 số tiền 20.000.000 đồng, anh B và chị A mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ là 10.000.000 đồng. Nợ bà D1 và ông E1 số tiền 29.864.000 đồng anh B và chị A mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ là 14.932.000 đồng. Nợ chị B1 và anh C1 số tiền 15.000.000 đồng và tiền lãi 4.812.500 đồng, tổng cộng là 19.812.500 đồng, anh B và chị A mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ là 9.906.250 đồng. Nợ ông E2 và bà G2 số tiền 10.000.000 đồng, anh B và chị A mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ là 5.000.000 đồng. Nợ chị H và anh I số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi 16.041.666 đồng, tổng cộng 66.041.666 đồng, anh B và chị A mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ là 33.020.833 đồng.Nợ chị G1 và anh H1số tiền 89.947.500 đồng (trong đó tiền vay 35.347.500 đồng; tiền hụi 54.600.000 đồng) và tiền lãi 26.759.380 đồng, tổng cộng 116.706.880 đồng, anh B và chị A mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ là 58.353.440 đồng. Nợ bà C2 và ông D2 số tiền 21.664.000 đồng và tiền lãi 6.950.532 đồng, tổng cộng 28.614.532 đồng, anh B và chị A mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ là14.307.266 đồng. Nợ chị A2 và anh B2 số tiền 161.066.666đ (trong đó tiền vay 134.166.666 đồng; tiền hụi 26.900.000 đồng) và tiền lãi44.535.888 đồng, tổng cộng 205.602.544 đồng, anh B và chị A mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ là102.801.272 đồng. Nợ bà L1 và ông K1 số tiền 103.000.000 đồng và tiền lãi 33.045.833 đồng, tổng cộng 136.045.833 đồng, anh B và chị A mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ là 68.022.916 đồng.

[9]. Viện kiểm sát kháng nghị phần án phí, cho rằng cấp sơ thẩm buộc chị A nộp án phí trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ mà không xác định cụ thể nợ chung, nợ riêng để đối trừ; anh B trả nợ ngân hàng là nợ riêng được đối trừ nghĩa vụ trả nợ để tính án phí là chưa chính xác.

Xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, tuy nhiên cấp phúc thẩm sửa án và xác định nợ chung chia đôi nợ, nên án phí cũng được tính lại toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[10]. Đối với đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho chị A cho rằng chị A có kháng cáo chia đôi căn nhà chính và nhà phụ trên đất, nhưng đơn kháng cáo không nêu, Thông báo kháng cáo cũng không có nội dung này, Tòa án cấp phúc thẩm đối chất làm rõ các nội dung kháng cáo ngày 12 tháng 11 năm 2020 cũng không có nội dung này và chị A cũng không có ý kiến yêu cầu, nên giới hạn của xét xử phúc thẩm là không có thẩm quyền xem xét giải quyết.

[11] Các phần nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị được giữ nguyên, gồm: Nhà vệ sinh (công trình phụ) giá trị 2.970.000 đồng và chuồng nuôi cá sấu giá trị 10.160.000 đồng. Anh B và chị A thống nhất tài sản chung chia đôi, anh B sử dụng nên có nghĩa vụ hoàn lại cho chị A ½ là 6.565.000 đồng (13.130.000 đồng: 2). Vàng 24k gồm 07 chỉ, tài sản chung anh B quản lý, đã bán số tiền là 24.500.000 đồng, anh B đã trả nợ 11.100.000 đồng, còn lại 13.400.000 đồng chia đôi, anh B có nghĩa vụ hoàn lại cho chị A ½ là 6.700.000 đồng. Phần đất vườn tạp chiều ngang 08m, chiều dài 15m giá trị 40.000.000 đồng, anh B và chị A tự thỏa thuận, không yêu cầu, chị A rút yêu cầu phần này. Đối với 70 con cá sấu, anh B và chị A thống nhất là đã bán được số tiền 78.000.000 đồng, đã sử dụng 77.000.000 đồng trả cho Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn, Chi nhánh huyện O là khoản nợ chung, còn số tiền 1.000.000 đồng anh B đã sử dụng trong gia đình, nên không yêu cầu giải quyết. Các tài sản trong căn nhà (chòi) gồm 02 cái giường bằng cây tạp đã cũ, 01 quạt máy cũ, 01 bếp gaz và 01 bình gaz lớn, chị A và anh B thống nhất không yêu cầu giải quyết; 01 bộ li văng giá trị 2.000.000 đồng, 01 máy lạnh hiệu LG không còn giá trị sử dụng, chị A rút yêu cầu không yêu cầu giải quyết. Về nợ Ngân hàng H2 nợ 46.600.000 đồng, anh B đã trả vào ngày 18/01/2018 và cùng ngày anh B vay lại số tiền 70.000.000 đồng, nên nợ chung là 46.600.000 đồng, nhưng anh B đã trả nợ chung 46.600.000 đồng, nên chị A trả lại anh 23.300.000 đồng và anh B sẽ tự trả nợ Ngân hàng số tiền gốc còn nợ tính đến ngày 15/9/2020 là 24.740.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông C và bà D yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.218,9m^2 do anh B và chị A đứng tên. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông F và bà E yêu cầu anh B và chị A trả lại phần căn nhà (gồm nhà chínhvà nhà phụ gắn liền với đất).Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông F, bà E và anh B, giao cho anh B được tiếp tục quản lý, sử dụng các tài sản gồm đất và nhà. Buộc ông F và bà E có nghĩa vụ trả cho anh B số tiền 30.000.000 đồng và trả cho chị A số tiền 30.000.000 đồng.

[12]. Như vậy, chia cho anh B nhận đất nuôi trồng thủy sản và tài sản trên đất này có giá trị 432.458.000 đồng (427.258.000 đồng + 5.200.000 đồng), phải hoàn ½ giá trị cho chị A là 216.229.000 đồng. Tổng tài sản trong nhà có giá trị 36.800.000 đồng chia đôi là 18.400.000 đồng, chia cho anh B nhận các tài sản có tổng giá trị là 25.850.000 đồng, chia cho chị A nhận các tài sản có tổng giá trị là 10.950.000 đồng, nên anh B phải hoàn lại tiền chênh lệch tài sản này là 7.450.000 đồng cho chị A. Chuồng nuôi cá sấu, nhà vệ sinh (công trình phụ) có giá trị 13.130.000 đồng, chia đôi là 6.565.000 đồng, anh B nhận hiện vật sử dụng phải hoàn giá trị cho chị A 6.565.000 đồng. Tiền mặt anh B quản lý 13.400.000 đồng, chia đôi là 6.700.000 đồng, anh B quản lý phải hoàn lại cho chị A 6.700.000 đồng. Tổng tài sản chung Tòa án giải quyết của anh B chị A giá trị là 495.788.000 đồng, chia đôi là 247.894.000 đồng, anh B nhận tài sản tổng cộng giá trị là 484.838.000 đồng phải hoàn tiền chênh lệch tài sản cho chị A tổng cộng là 236.944.000 đồng (844.838.000 đồng - 247.894.000 đồng).

[13]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cấp phúc thẩm là 150.000 đồng anh B tự nguyện nộp. Anh B đã dự nộp đủ số tiền 150.000 đồng.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh B và chị Aphải chịu án phí không có giá ngạch trên yêu cầu đòi lại tài sản của ông F và bà E được chấp nhận là 300.000 đồng, mỗi người phải chịu là 150.000 đồng.

Anh B phải chịu án phí 5% trên nghĩa vụ trả nợ là 19.767.198 đồng (395.343.477 đồng x 5%), tổng cộng phải nộp là 19.917.198 đồng.

Chị A phải nộp án phí nghĩa vụ trả nợ là 19.767.198 đồng (395.343.477 đồng x 5%), tổng cộng phải nộp là 19.917.198 đồng. Chị A đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm số 0010358 ngày 06/11/2017 và số tiền 894.500 đồng theo Biên lai thu số 0004363 ngày 12/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ođược đối trừ và chị A còn phải nộp tiếp 14.023.198 đồng.

Ông F và bà E phải chịu án phí trên số tiền trả cho anh B và chị A và chịu án phí trên yêu cầu được chấp nhận là 7.500.000 đồng (150.000.000 đồng x 5%). Bà E đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011645 ngày 16/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O được đối trừ, ông F và bà E còn phải nộp tiếp 7.200.000 đồng.

Các phần khác giữ nguyên án sơ thẩm.

Các đương sự được chấp nhận một phần kháng cáo, nên không phải chịu án phí phúc thẩm, đã dự nộp được đối trừ khi thu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị A, bị đơn anh B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà E và sửa một phần Bản án sơ thẩm số 58/2020/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, 147, 217, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 467 của Bộ luật Dân sự 2005; các điều 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự 2015; các điều 30, 33, 37, 45, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị A về chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn.

1. Chia cho anh B được quyền sở hữu, quản lý sử dụng các tài sản bao gồm:

- Phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 21.362,9m^{2}có 01 căn nhà (chòi) trên đất, tại thửa 497 tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Hộ

anh B và chị A đứng tên quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/7/2009, tọa lạc tại Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông giáp thửa 84 do ông I5 canh tác có số đo 43,20m

Hướng Tây giáp đường đất (Kênh 2000) có số đo 43,20m

Hướng Nam giáp thửa 32 do ông G5 canh tác có số đo 493,7m

Hướng Bắc giáp phần đấtông H5 canh tác có số đo 495,7m

Hiện trạng đất do anh Bđang quản lý sử dụng nuôi tôm quảng canh.

- Các tài sản trong nhà gồm: 01 bộ salon gỗ giá trị 17.000.000 đồng, 01 tủ gỗ thao lao (tủ ly)chiều ngang 1,6m, chiều cao 02m, mặt kiếng giá trị 3.500.000 đồng, 01 bộ ghế salon nệm giá trị 2.000.000 đồng, 01 tủ lạnh hiệu LG giá trị 2.000.000 đồng, 01 tủ quần áo bằng nhôm ngang 1,5m, rộng 0,6m, cao 02m giá trị 850.000 đồng, 01 bàn trang điểm bằng nhôm ngang 0,8m, rộng 0,4m, cao 1,6m giá trị 500.000 đồng, tổng giá trị là 25.850.000đồng, tài sản hiện anh B đang quản lý.

- Nhà vệ sinh (công trình phụ) chiều ngang 1,5m, chiều dài 1,6m, cao 2,3m, vách xây tường nền lót gạch nước, giá trị 2.970.000 đồng; chuồng nuôi cá sấu chiều ngang 6,2m, chiều cao 6,5m; cột bê tông, tường xây cao 01m, đóng lưới B40 cao 1m, nền xi măng, giá trị là 10.160.000 đồng, tổng giá trị là 13.130.000 đồng, tài sản hiện anh B đang quản lý.

- Số tiền 13.400.000 đồng anh B đang quản lý.

2. Chia cho chị A được quyền sở hữu, quản lý sử dụng các tài sản bao gồm:

- 01 tủ (quần áo)gỗ thao lao chiều ngang 1,6m, chiều cao 02m, mặt kiếng, giá trị 3.500.000 đồng, 01 giường gỗ thao lao chiều ngang 1,6m, chiều dài 02m, giá trị 2.600.000 đồng, 01 bộ bàn kiếng inox và 03 ghế giá trị 1.000.000 đồng, 01 tủ nhôm chiều ngang 1,6m, chiều cao 1,2m, loại tủ ly giá trị 1.500.000 đồng, 01 giường ly văng gỗ giá trị 1.000.000 đồng, 01 tủ quần áo bằng nhôm ngang 1,5m, rộng 0,6m, cao 02m giá trị 850.000 đồng, 01 bàn trang điểm bằng nhôm ngang 0,8m, rộng 0,4m, cao 1,6m giá trị 500.000 đồng, tổng giá trị là 10.950.000 đồng.

Các tài sản trên anh B đang quản lý, buộc anh B có nghĩa vụ giao cho chị A.

3. Buộc anh B có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị chênh lệch tài sản chung được nhận cho chị A tổng cộng là 236.944.000 đồng.

4. Buộc chị A có nghĩa vụ trả lại anh B 23.300.000 đồng, (tiền do anh B đã trả nợ chung 46.600.000 đồng).

5. Anh B được quyền đến cơ quan có thẩm quyền xin điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 497 tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Hộ anh B và chị A đứng tên quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêucấp ngày 31/7/2009, theo đúng quy định của pháp luật.

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông F và bà E yêu cầu anh B và chị A trả lại diện tích 240m^2 đất tại thửa 167 tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu và tài sản trên đất (gồm nhà chính: Mặt trước, chiều ngang 5,2m, chiều dài 6,8m; mặt sau chiều ngang 8m, chiều dài 8,2m; nhà phụ: Chiều ngang 04m, chiều dài 6,7m gắn liền với đất; nhà bếp chiều ngang 3,5m, chiều dài 6,7m; sân xi măng chiều ngang 07m chiều dài 10m).

7. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông F, bà E và anh B, giao cho anh B được tiếp tục quản lý, sử dụng các tài sản gồm:

- Phần đất diện tích 240m^2 tại thửa 167 tờ bản đồ số 25 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất tọa lạc tại Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí, số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp Kênh Sáng Phụng Hiệp có số đo 16m

+ Hướng Tây giáp Lộ Phước Long – Phong Thạnh Tây B có số đo 16m

+ Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Đông Xuân có số đo 15m

+ Hướng Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Hoàng Phúc có số đo 15m

Hiện trạng: Là phần đất gắn liền với nhà, giá trị là 358.800.000 đồng.

- 01 căn nhà cấp 4, nhà chính: Mặt trước, chiều ngang 5,2m, chiều dài 6,8m; mặt sau chiều ngang 08m, chiều dài 8,2m; Kết cấu: Cột kèo bê tông cốt thép, vách xây tường, đòn tay gỗ dầu, mái lợp tol xi măng, nền lót gạch ximen, la phông thạch cao; giá trị là 222.112.000 đồng.

- 01 căn nhà phụ: Chiều ngang 04m, chiều dài 6,7m; Kết cấu: Cột kèo bê tông cốt thép, vách xây tường, đòn tay gỗ dầu, mái lợp tol xi măng, nền lót gạch ximen. giá trị là 57.084.000 đồng.

- Nhà bếp: Chiều ngang 3,5m, chiều dài 6,7m; sân xi măng chiều ngang 07m chiều dài 10m).

8. Buộc ông F và bà E có nghĩa vụ trả cho anh B số tiền 30.000.000 đồng và trả cho chị A số tiền 30.000.000 đồng.

9. Buộc anh B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H2 số tiền 24.740.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 7204LAV201800207 đã ký kết ngày 18/01/2018 và lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

10. Buộc anh B và chị A có nghĩa vụ trảcác khoản nợ cụ thể:

- Nợ bà G số tiền 158.000.000 đồng, buộc anh B có nghĩa vụ trả là 79.000.000 đồng, buộc chị A có nghĩa vụ trả là 79.000.000 đồng.

- Nợ anh L và chị A1 số tiền 20.000.000 đồng, buộc anh B có nghĩa vụ trả là 10.000.000 đồng, buộc chị A nghĩa vụ trả nợ là 10.000.000 đồng.

- Nợ bà D1 và ông E1 số tiền 29.864.000 đồng, buộc anh B có nghĩa vụ trả là14.932.000 đồng, buộc chị A phải có nghĩa vụ trả nợ là 14.932.000 đồng.

- Nợ chị B1 và anh C1 số tiền 15.000.000 đồng và tiền lãi 4.812.500 đồng, tổng cộng là 19.812.500 đồng, buộc anh B có nghĩa vụ trả là 9.906.250 đồng, buộc chị A phải có nghĩa vụ trả nợ là 9.906.250 đồng.

- Nợ ông E2 và bà G2 số tiền 10.000.000 đồng, buộc anh B có nghĩa vụ trả là 5.000.000 đồng, buộc chị A phải có nghĩa vụ trả nợ là 5.000.000 đồng.

- Nợ chị H và anh I số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi 16.041.666 đồng, tổng cộng 66.041.666 đồng, buộc anh B có nghĩa vụ trả là 33.020.833 đồng, buộc chị A phải có nghĩa vụ trả nợ là 33.020.833 đồng.

- Nợ chị G1 và anh H1số tiền 89.947.500 đồng (trong đó tiền vay 35.347.500 đồng; tiền hụi 54.600.000 đồng) và tiền lãi 26.759.380 đồng, tổng cộng 116.706.880 đồng, buộc anh B có nghĩa vụ trả là 58.353.440 đồng, buộc chị A phải có nghĩa vụ trả nợ là 58.353.440 đồng.

- Nợ bà C2 và ông D2 số tiền 21.664.000 đồng và tiền lãi 6.950.532 đồng, tổng cộng 28.614.532 đồng, buộc anh B có nghĩa vụ trả là 14.305.266 đồng, buộc chị A phải có nghĩa vụ trả nợ là14.305.266 đồng.

- Nợ chị A2 và anh B2 số tiền 161.066.666 đồng (trong đó tiền vay 134.166.666 đồng; tiền hụi 26.900.000 đồng) và tiền lãi44.535.888 đồng, tổng cộng 205.602.544 đồng, buộc anh B có nghĩa vụ trả là 102.801.272 đồng, buộc chị A phải có nghĩa vụ trả nợ là102.801.272 đồng.

- Nợ bà L1 và ông K1 số tiền 103.000.000 đồngvà tiền lãi 33.045.833 đồng, tổng cộng 136.045.833 đồng, buộc anh B có nghĩa vụ trả là 68.022.916 đồng, buộc chị A có nghĩa vụ trả nợ là 68.022.916 đồng.

11. Đối với 70 con cá sấu trọng lượng khoảng 10kg/con do anh B và chị A thống nhất là đã bán được số tiền 78.000.000 đồng và đã chi hết, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

12. Không chấp nhận yêu cầu của chị A yêu cầu được hưởng ½ tiền giá cho thuê đất đối với phần đất vuông 16,5 công với giá thuê là 1.500.000 đồng/năm/công tầm cấy từ tháng 6/2017 đến ngày 30/8/2019 với số tiền 24.750.000 đồng và đến khi giải quyết xong vụ án do anh B canh tác.

13. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị A đối với các tài sản gồm: Phần đất vườn tạp có chiều ngang 8m, chiều dài 15m diện tích đất 120m^2 tại thửa 14 tờ bản đồ số 46 giá trị 40.000.000 đồng, 01 bộ li văng giá trị 2.000.000 đồng, 01 máy lạnh LG.

14. Chấp nhận yêu cầu của chị A đối với ông F và bà E.

Buộc ông F và bà E có nghĩa vụ trả cho chị A và anh B số tiền 90.000.000 đồng, cụ thể trả chị A 45.000.000 đồng, trả anh B 45.000.000 đồng.

15. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông C và bà D yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.218,9m^2 do anh B và chị A đứng tên, đồng thời yêu cầu anh B và chị A trả lại phần đất có diện tích 3.218,9m^2.

16.Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

17. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cấp sơ thẩm là 1.265.000 đồng:Chị A phải chịu 632.500 đồng, anh B phải chịu 632.500 đồng; anh B đã dự nộp số tiền 1.000.000 đồng, chị A đã nộp số tiền 265.000 đồng nên buộc chị A phải hoàn trả lại cho anh B số tiền 367.500 đồng.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cấp phúc thẩm là 150.000 đồng, anh B tự nguyện nộp, đã nộp đủ.

18. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh B và chị A phải chịu án phí không có giá ngạch trên yêu cầu đòi lại tài sản của ông F và bà E được chấp nhận là 300.000 đồng, mỗi người phải chịu là 150.000 đồng. Anh B phải chịu án phí có giá ngạch là 19.767.198 đồng, tổng cộng phải nộp là 19.917.198 đồng.

Chị A phải nộp án phí có giá ngạch là 19.767.198 đồng, tổng cộng phải nộp là 19.917.198 đồng. Chị A đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm số 0010358 ngày 06/11/2017 và số tiền 894.500 đồng theo Biên lai thu số 0004363 ngày 12/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O được đối trừ và chị A còn phải nộp tiếp 14.023.198 đồng.

Ông F và bà E phải chịu án phí trên số tiền trả cho anh B và chị A và chịu án phí trên yêu cầu được chấp nhận là 7.500.000 đồng. Bà E đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0011645 ngày 16/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O được đối trừ, ông F và bà E còn phải nộp tiếp 7.200.000 đồng.

Các đương sự khác không phải chịu án phí. Ông C và bà D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa ánsố 0014158 ngày 25/6/2019tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O được nhận lại.

Án phí phúc thẩm: Các đương sự được chấp nhận một phần kháng cáo, nên không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà E, anh B, chị A đã nộp tiền tạm ứng án phí, mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại các Biên lai thu số 0009540, 0009541, 0009542 cùng ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ khi thu án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện O;
- CCTHADS huyện O;
- Đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

Thành viên Hội đồng xét xử Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh DanhBùi Anh TuấnNguyễn Thị Thu Hương